TIẾNG VIỆT

**BÀI 9: VÈ CHIM (Tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng bài Vè chim với ngữ điệu, giọng đọc phù hợp, biết ngắt giọng phù hợp với nhịp thơ; nhớ tên và nhận biết đặc điểm riêng của mỗi loài chim được nhắc đến trong bài vè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Ti vi (Máy chiếu); giải câu đố trên học liệu; tranh ảnh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **\* Hoạt động 1: Khởi động**  - BVN cho lớp hát bài tự chọn.  - Cho HS quan sát tranh: Tranh vẽ gì?  - GV hỏi:  + Nói về loài chim mà em biết? (Tên, nơi sống, đặc điểm)  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài.  **\* Hoạt động 2: Khám phá** *( Thẻ 7: Đọc thành tiếng, Thẻ 14: Suy nghĩ- trao đổi nhóm đôi chia sẻ.)*  **1. Đọc văn bản**  - GV đọc mẫu, HD cách đọc. Bài đọc với giọng hài hước, dí dỏm thể hiện đặc điểm nghịch ngợm, đáng yêu, thói xấu của từng loài chim.  - Đọc nối tiếp dòng thơ – luyện đọc từ khó: lom xom ,liếu điếu, chèo bẻo.  - HD đọc dòng thơ:  Hay chạy lon xon/  Là gà mới nở//  Vừa đi vừa nhảy/  Là em sáo xinh//  - Đọc nối tiếp 2 dòng thơ kết hợp giải nghĩa từ: chạy, nhặt, nhấp nhem.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi đọc  - Giáo viên nhận xét chung và tuyên dương các nhóm.  - Đọc đồng thanh  - Yêu cầu học sinh đọc đồng thanh bài vè.  **2. Trả lời câu hỏi**  - GV gọi HS đọc lần lượt 4 câu hỏi trong sgk/tr.40.  - GV HD HS trả lời từng câu hỏi  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  C1. Kể tên các loài chim được nhắc đến trong bài vè.  C2. Chơi đố vui về các loài chim.  C3. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài vè.  C4: Dựa vào nội dung bài vè và hiểu biết của em, giới thiệu về một loài chim.  - Nhận xét, tuyên dương HS.  **\* Hoạt động 3: Luyện đọc lại**  - GV đọc diễn cảm toàn bài. Lưu ý giọng dí dỏm  - Gọi HS đọc toàn bài.  - Gv hướng dẫn HS đọc thuộc lòng bằng cách xóa bớt từ  **\* Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc**  ***1. Tìm từ chỉ người được dùng gọi tên các loài chim.***  - Gọi HS đọc yêu cầu sgk/ tr.40  - Tác giả dùng từ gọi người để các sự vật gần gũi thân thuộc với con người hơn làm cho câu thơ sinh động hay hơn.  ***2. Đặt câu vừa tìm được ở bài 1***  - Gọi HS đọc yêu cầu sgk/ tr.40.  - YC HS trả lời câu hỏi đồng thời hoàn thiện vào vở.  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.  - Nhận xét: Lưu ý câu phải đầy đủ 2 phần: phần 1 là các từ ở bài tập 1, phần 2 là các từ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm.  **\* Hoạt động 5: Củng cố, dặn dò**  - Hôm nay em học bài gì?  - GV nhận xét giờ học. | - Lớp hát vận động theo nhạc.  -HS thảo luận theo cặp và chia sẻ.  - 2-3 HS chia sẻ.  - HS ghi vở.  - Lắng nghe  - Cả lớp đọc thầm.  - Đọc nối tiếp.  - Đọc CN, N4  - N2, chia sẻ trước lớp.  - Thi đọc giữa các nhóm.  - Cả lớp đọc đồng thanh bài vè.  - HS lần lượt chia sẻ ý kiến:  C1: Tên các loài chim được nhắc trong bài là gà, sáo, liếu điếu, chìa vôi,chèo bẻo, chim khách, sẻ, chim sâu, tu hú, cú mèo  C2: Từng cặp đố đáp loài chim trong bài vè theo mẫu dựa vào bài vè  C3: Từ ngữ chỉ hoạt động trong bài vè: chạy lon xon, đi, nhảy, nói linh tinh, chao đớp mồi, mách lẻo, nhặt lân la …  C4: Đáp án mở. hs có thể chọn, giới thiệu về một loài chim bất kì phải nêu được một số nội dung như tên loài chim, đặc điểm nổi bật của loài chim,...  - HS lắng nghe, đọc thầm.  - 2-3 HS đọc.  - Học thuộc 8 dòng thơ đầu.  - 2-3 HS đọc.  - 2-3 HS chia sẻ: Từ chỉ người được dùng để gọi các loài chim: bác, em, cậu, cô  - 1-2 HS đọc.  - 2-3 HS chia sẻ đáp án.  + Em sáo xinh vừa đi vừa nhảy.  + Cậu chìa vôi thì hay nghịch hay tếu.  + Cô tu hú giục hè đến mau. |